

KT3-07827BMT5/6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

03/12/2025
Trang 01 / 05

- Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH**
Mã số mẫu: **BB-2531**
Vị trí lấy mẫu: **CNCN Bắc Bình - Vòi sau xử lý**
Thời gian lấy mẫu: **17/11/2025**
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Dạng mẫu: lỏng;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 02 + 0,5 L x 02;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng;
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 18/11/2025
- Thời gian thử nghiệm : 18/11/2025 – 03/12/2025
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN**
137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

RM105 02 VII. (HL: 07/07/2025)



KT3-07827BMT5/6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/12/2025

Trang 02 / 05

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.1	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	70,3	-	Phù hợp (Đạt)
7.2	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	31,1	-	Phù hợp (Đạt)
7.3	Hàm lượng nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	0,06	-	Phù hợp (Đạt)
7.4	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	1	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt)
7.5	Hàm lượng bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 200.8	1,3	0,02	-	Phù hợp (Đạt)
7.6	Hàm lượng cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005	Phù hợp (Đạt)
7.7	Hàm lượng clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 hoặc 300	15,5	-	Phù hợp (Đạt)
7.8	Hàm lượng crôm (Cr)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt)
7.9	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt)
7.10	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181 : 1996	0,05	KPH	0,005	Phù hợp (Đạt)
7.11	Hàm lượng florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	< 0,1 (**)	0,03	Phù hợp (Đạt)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

RM105 02 VII. (HL: 07/07/2025)





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 9 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam 9 C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 9 1100 812 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

KT3-07827BMT5/6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/12/2025

Trang 03 / 05

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.12	Hàm lượng sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt)
7.13	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt)
7.14	Hàm lượng mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,1	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt)
7.15	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0002	Phù hợp (Đạt)
7.16	Hàm lượng niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt)
7.17	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	11	0,6	-	Phù hợp (Đạt)
7.18	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,9	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt)
7.19	Hàm lượng natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	200	8,7	-	Phù hợp (Đạt)
7.20	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	4,1	-	Phù hợp (Đạt)
7.21	Hàm lượng kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 200.8	2	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt)
7.22	Chỉ số permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	2	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt)
7.23	Hàm lượng molinate	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	6	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER



Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274

Fax: (84-28) 3829 3012

E-mail: info@quatest3.com.vn

Website: www.quatest3.com.vn

Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam

05 lot, Di road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam

01 street, Thoi ward, HCMC, Vietnam

KT3-07827BMT5/6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/12/2025

Trang 04 / 05

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.24	Hàm lượng chlorpyrifos	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	30	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt)
7.25	Hàm lượng cyanazine	µg/L	US EPA Method 536	0,6	KPH	0,25	Phù hợp (Đạt)
7.26	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy)	µg/L	US EPA Method 536	200	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt)
7.27	Hàm lượng axit monochloroacetic	µg/L	US EPA Method 552.3	20	KPH	5,0	Phù hợp (Đạt)
7.28	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	KPH	0,02	Phù hợp (Đạt)
7.29	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	KPH	0,2	Phù hợp (Đạt)
7.30	Hàm lượng sulfur (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ ,D:2023	0,05	KPH	0,02	Phù hợp (Đạt)
7.31	Hàm lượng carbon tetrachloride	µg/L	US EPA Method 8260D	2	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt)
7.32	Hàm lượng vinyl clorua	µg/L	US EPA Method 8260D	0,3	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt)
7.33	Hàm lượng benzen	µg/L	US EPA Method 8260D	10	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt)
7.34	Hàm lượng 1,2-dibromo-3- chloropropane	µg/L	US EPA Method 8260D	1	KPH	0,07	Phù hợp (Đạt)
7.35	Hàm lượng bromoform	µg/L	US EPA Method 8260D	100	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07827BMT5/6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 03/12/2025
 Trang 05 / 05

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.36	Hàm lượng dibromochloromethane	µg/L	US EPA Method 8260D	100	< 2 (**)	1,0	Phù hợp (Đạt)
7.37	Hàm lượng bromodichloromethane	µg/L	US EPA Method 8260D	60	21,0	-	Phù hợp (Đạt)
7.38	Hàm lượng chloroform	µg/L	US EPA Method 8260D	300	53,1	-	Phù hợp (Đạt)
7.39	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1	< 1 (***)	-	Phù hợp (Đạt)
7.40	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	< 1 (***)	-	Phù hợp (Đạt)
7.41	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol	µg/L	TCVN 6216:1996	KQĐ	KPH	0,3	-

Ghi chú:

(**): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH: Không phát hiện

KQĐ: Không quy định

(4) Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07827BMT5/7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

03/12/2025
Trang 01 / 05

- Tên mẫu : NƯỚC SẠCH
Mã số mẫu: BB-2532
Vị trí lấy mẫu: CNCN Bắc Bình - Trạm y tế Hải Ninh, Xã Hải Ninh
Thời gian lấy mẫu: 17/11/2025
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Dạng mẫu: lỏng;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 02 + 0,5 L x 02;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng;
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 18/11/2025.
- Thời gian thử nghiệm : 18/11/2025 – 03/12/2025
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN
137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam 05 Cot lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 01396.372 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

KT3-07827BMT5/7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/12/2025
Trang 02 / 05

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.1	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	70,2	-	Phù hợp (Đạt)
7.2	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	31,6	-	Phù hợp (Đạt)
7.3	Hàm lượng nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	0,06	-	Phù hợp (Đạt)
7.4	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	1	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt)
7.5	Hàm lượng bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 200.8	1,3	0,02	-	Phù hợp (Đạt)
7.6	Hàm lượng cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005	Phù hợp (Đạt)
7.7	Hàm lượng clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 hoặc 300	15,2	-	Phù hợp (Đạt)
7.8	Hàm lượng crôm (Cr)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt)
7.9	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt)
7.10	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181 : 1996	0,05	KPH	0,005	Phù hợp (Đạt)
7.11	Hàm lượng florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	< 0,1 (**)	0,03	Phù hợp (Đạt)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.es@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.es@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.







ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER



Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam 05 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC (Vietnam) 196 2/3 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

KT3-07827BMT5/7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/12/2025
Trang 04 / 05

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.24	Hàm lượng chlorpyrifos	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	30	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt)
7.25	Hàm lượng cyanazine	µg/L	US EPA Method 536	0,6	KPH	0,25	Phù hợp (Đạt)
7.26	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy)	µg/L	US EPA Method 536	200	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt)
7.27	Hàm lượng axit monochloroacetic	µg/L	US EPA Method 552.3	20	KPH	5,0	Phù hợp (Đạt)
7.28	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	KPH	0,02	Phù hợp (Đạt)
7.29	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	KPH	0,2	Phù hợp (Đạt)
7.30	Hàm lượng sulfur (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ ,D:2023	0,05	KPH	0,02	Phù hợp (Đạt)
7.31	Hàm lượng carbon tetrachloride	µg/L	US EPA Method 8260D	2	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt)
7.32	Hàm lượng vinyl clorua	µg/L	US EPA Method 8260D	0,3	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt)
7.33	Hàm lượng benzen	µg/L	US EPA Method 8260D	10	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt)
7.34	Hàm lượng 1,2-dibromo-3- chloropropane	µg/L	US EPA Method 8260D	1	KPH	0,07	Phù hợp (Đạt)
7.35	Hàm lượng bromoform	µg/L	US EPA Method 8260D	100	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07827BMT5/7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/12/2025
Trang 05 / 05

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.36	Hàm lượng dibromochloromethane	µg/L	US EPA Method 8260D	100	< 2 (**)	1,0	Phù hợp (Đạt)
7.37	Hàm lượng bromodichloromethane	µg/L	US EPA Method 8260D	60	21,6	-	Phù hợp (Đạt)
7.38	Hàm lượng chloroform	µg/L	US EPA Method 8260D	300	55,9	-	Phù hợp (Đạt)
7.39	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1	< 1 (***)	-	Phù hợp (Đạt)
7.40	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	< 1 (***)	-	Phù hợp (Đạt)
7.41	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol	µg/L	TCVN 6216:1996	KQĐ	KPH	0,3	-

Ghi chú:

(***): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH: Không phát hiện

KQĐ: Không quy định

(4) Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ w = 0.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07827BMT5/8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/12/2025
Trang 01 / 05

- Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH**
Mã số mẫu: BB-2533
Vị trí lấy mẫu: CNCN Bắc Bình - 12 Trưng Nữ Vương, Xã Hải Ninh
Thời gian lấy mẫu: 17/11/2025
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Dạng mẫu: lỏng;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 02 + 0,5 L x 02;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng;
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 18/11/2025
- Thời gian thử nghiệm : 18/11/2025 – 03/12/2025
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN**
137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07827BMT5/8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

03/12/2025
Trang 02 / 05

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.1	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	70,5	-	Phù hợp (Đạt)
7.2	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	31,6	-	Phù hợp (Đạt)
7.3	Hàm lượng nhôm (Al)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	0,06	-	Phù hợp (Đạt)
7.4	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	1	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt)
7.5	Hàm lượng bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 200.8	1,3	0,02	-	Phù hợp (Đạt)
7.6	Hàm lượng cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005	Phù hợp (Đạt)
7.7	Hàm lượng clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 hoặc 300	15,2	-	Phù hợp (Đạt)
7.8	Hàm lượng crôm (Cr)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt)
7.9	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt)
7.10	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181 : 1996	0,05	KPH	0,005	Phù hợp (Đạt)
7.11	Hàm lượng florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	< 0,1 (**)	0,03	Phù hợp (Đạt)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07827BMT5/8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT


03/12/2025
Tang 03 / 05

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.12	Hàm lượng sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	0,03	-	Phù hợp (Đạt)
7.13	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt)
7.14	Hàm lượng mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,1	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt)
7.15	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0002	Phù hợp (Đạt)
7.16	Hàm lượng niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,003	Phù hợp (Đạt)
7.17	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	11	0,6	-	Phù hợp (Đạt)
7.18	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,9	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt)
7.19	Hàm lượng natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	200	8,68	-	Phù hợp (Đạt)
7.20	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	4,1	-	Phù hợp (Đạt)
7.21	Hàm lượng kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 200.8	2	KPH	0,01	Phù hợp (Đạt)
7.22	Chỉ số permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	2	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt)
7.23	Hàm lượng molinate	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	6	KPH	0,05	Phù hợp (Đạt)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07827BMT5/8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/12/2025

Trang 04 / 05

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.24	Hàm lượng chlorpyrifos	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	30	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt)
7.25	Hàm lượng cyanazine	µg/L	US EPA Method 536	0,6	KPH	0,25	Phù hợp (Đạt)
7.26	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy)	µg/L	US EPA Method 536	200	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt)
7.27	Hàm lượng axit monochloroacetic	µg/L	US EPA Method 552.3	20	KPH	5,0	Phù hợp (Đạt)
7.28	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	KPH	0,02	Phù hợp (Đạt)
7.29	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	KPH	0,2	Phù hợp (Đạt)
7.30	Hàm lượng sulfur (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ ,D:2023	0,05	KPH	0,02	Phù hợp (Đạt)
7.31	Hàm lượng carbon tetrachloride	µg/L	US EPA Method 8260D	2	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt)
7.32	Hàm lượng vinyl clorua	µg/L	US EPA Method 8260D	0,3	KPH	0,1	Phù hợp (Đạt)
7.33	Hàm lượng benzen	µg/L	US EPA Method 8260D	10	KPH	0,5	Phù hợp (Đạt)
7.34	Hàm lượng 1,2-dibromo-3- chloropropane	µg/L	US EPA Method 8260D	1	KPH	0,07	Phù hợp (Đạt)
7.35	Hàm lượng bromoform	µg/L	US EPA Method 8260D	100	KPH	1,0	Phù hợp (Đạt)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

BM105.02.VIL (HL: 07/07/2025)



KT3-07827BMT5/8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/12/2025
Trang 05 / 05

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Mức chất lượng QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Nhận xét ⁽⁴⁾
7.36	Hàm lượng dibromochloromethane	µg/L	US EPA Method 8260D	100	< 2 (**)	1,0	Phù hợp (Đạt)
7.37	Hàm lượng bromodichloromethane	µg/L	US EPA Method 8260D	60	21,2	-	Phù hợp (Đạt)
7.38	Hàm lượng chloroform	µg/L	US EPA Method 8260D	300	52,8	-	Phù hợp (Đạt)
7.39	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B:2023	< 1	< 1 (***)	-	Phù hợp (Đạt)
7.40	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	< 1 (***)	-	Phù hợp (Đạt)
7.41	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol	µg/L	TCVN 6216:1996	KQĐ	KPH	0,3	-

Ghi chú:

(***): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 01-1:2024/BYT : quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPII: Không phát hiện

KQĐ: Không quy định

(4) Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$.



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

